**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ TÂN UYÊN**
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/KDTM-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 111/2022/TLST-KDTM ngày 29/11/2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH AI; địa chỉ: Khu công nghiệp G, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Phòng 4.11 Lầu 4, Tòa nhà E.Town 1, số 364 C, phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Phạm Bính K, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: 88 H, phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí minh; địa chỉ liên hệ: 11/15 N, phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại: 0918.409.904, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/11/2022). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH A; địa chỉ: Tổ 4, khu phố O, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH A, tổ 4, khu phố O, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10/02/2023). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH AI và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH AI (sau đây gọi tắt là Công ty AI) và Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau theo Hợp đồng mua bán số DDQ010/ANPHA/2021-01 ngày 01/01/2021 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Theo đó, Công ty AI cung cấp các sản phẩm keo công nghiệp, chất xúc tác cho Công ty A theo từng đơn hàng. Đơn giá do Công ty AI báo giá bằng văn bản gửi cho Công ty A. Số lượng hàng hóa và chủng loại sản phẩm của mỗi đơn hàng do Công ty A đặt hàng qua điện thoại. Hình thức thanh toán: Công ty A thanh toán bằng chuyển khoản cho Công ty AI trong vòng 75 ngày kể từ ngày hóa đơn. Trong trường hợp Công ty A thanh toán chậm hơn so với thời hạn thanh toán nêu trên thì Công ty A phải thanh toán thêm lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả cho Công ty AI (Điều 5 của Hợp đồng), đồng thời phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng vi phạm (Điều 12.2 của Hợp đồng).

Quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty A đã thực hiện không đúng thỏa thuận theo Hợp đồng đã ký nên phát sinh công nợ. Tính đến thời điểm cuối ngày 30/11/2021, Công ty A còn nợ Công ty AI số tiền mua hàng là 88.836.000 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ có xác nhận của Công ty A ngày 30/11/2021. Chi tiết nợ lãi tạm tính đến ngày 09/3/2023 như sau:

| Số hóa đơn | Ngày hóa đơn | Số tiền nợ (Đồng) | Ngày thanh toán | Số ngày nợ | Số tiền bồi thường do chậm thanh toán (Đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| 0009499 | 25/6/2021 | 17.292.000 | 08/9/2021 | 547 | 4.729.362 |
| 0009546 | 28/6/2021 | 2.904.000 | 11/9/2021 | 544 | 789.888 |
| 0009925 | 12/7/2021 | 68.640.000 | 25/9/2021 | 530 | 18.189.600 |
| Tổng nợ | | 88.836.000 | | | 23.708.850 |

Tuy nhiên, Công ty AI tự nguyện giảm một phần lãi suất chậm thanh toán cho Công ty A với mức lãi suất 0,05%/ngày, tương đương 20%/năm. Tiền bồi thường do chậm thanh toán được tính theo công thức như sau: Số tiền nợ x 0,05% x số ngày nợ. Đây là tiền lãi chậm trả mà Công ty A có nghĩa vụ trả cho Công ty AI do Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại khoản 5.3, Điều 5 của Hợp đồng. Tiền bồi thường do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 29/3/2023 là: 23.708.850 đồng.

Tiền phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại khoản 12.2, Điều 12 của Hợp đồng được tính theo công thức: Số tiền vi phạm x 8%. Cụ thể: 88.836.000 đồng x 8% = 7.106.880 đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc Công ty TNHH A phải trả cho Công ty TNHH AI số tiền nợ là 119.651.730 đồng. Trong đó

gồm: 88.836.000 đồng tiền hàng; 23.708.850 đồng lãi suất chậm thanh toán và 7.106.880 đồng tiền phạt do vi phạm hợp đồng. Do bận công việc, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A trình bày:* Bị đơn thống nhất nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa mà nguyên đơn đã trình bày, thống nhất số lượng hàng hoá nguyên đơn đã giao cho bị đơn, bị đơn đã thanh toán được một phần tiền công nợ nhưng do tình hình kinh tế của bị đơn gặp nhiều khó khăn nên không thể tiếp tục thanh toán. Hiện tại bị đơn xác nhận còn nợ tiền hàng của nguyên đơn là 88.836.000 đồng. Đại diện bị đơn xin gia hạn việc trả khoản nợ nêu trên đến tháng 6/2023 do tình hình công ty hiện nay gặp nhiều khó khăn. Đối với số tiền lãi và phạt, bị đơn không thống nhất, yêu cầu nguyên đơn giảm số tiền này bị đơn mới đồng ý thanh toán. Do bận công việc, người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất với nhau về nội dung hợp đồng mua bán hàng hoá, đại diện bị đơn thừa nhận số tiền nợ gốc là 88.836.0000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty TNHH AI yêu cầu bị đơn Công ty TNHH A thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng mua bán số DDQ010/ANPHA/2021-01 ngày 01/01/2021 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng), đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn có trụ sở tại phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì

đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định tại Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

[1] Công ty TNHH AI (sau đây gọi tắt là Công ty AI) và Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau theo Hợp đồng mua bán số DDQ010/ANPHA/2021-01 ngày 01/01/2021 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Theo đó, Công ty AI cung cấp các sản phẩm keo công nghiệp, chất xúc tác cho Công ty A theo từng đơn hàng. Số lượng hàng hóa và chủng loại sản phẩm của mỗi đơn hàng do Công ty A đặt hàng qua điện thoại. Hình thức thanh toán: Công ty A thanh toán bằng chuyển khoản cho Công ty AI trong vòng 75 ngày kể từ ngày hóa đơn. Trong trường hợp Công ty A thanh toán chậm hơn so với thời hạn thanh toán nêu trên thì phải thanh toán thêm lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả cho Công ty AI (Điều 5 của Hợp đồng), đồng thời phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng vi phạm (Điều 12.2 của Hợp đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn thực hiện không đúng thỏa thuận, tính đến thời điểm cuối ngày 30/11/2021, Công ty A còn nợ Công ty AI số tiền mua hàng là 88.836.000 đồng. Nguyên đơn có lập bảng đối chiếu công nợ có xác nhận của Công ty A ngày 30/11/2021. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc, lãi chậm thanh toán và tiền phạt vi phạm, tổng cộng là 119.651.730 đồng, trong đó gồm: 88.836.000 đồng tiền hàng; 23.708.850 đồng lãi suất chậm thanh toán và 7.106.880 đồng tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

[2] Xét thấy, hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty TNHH AI và Công ty TNHH A ngày 01/01/2021 phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại 2005, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các bên tham gia hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận đã nhận đủ hàng hoá, đồng thời thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 88.836.000 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại Điều 5 của Hợp đồng, các bên thoả thuận về việc thanh toán như sau: Công ty A thanh toán bằng chuyển khoản cho Công ty AI trong vòng 75 ngày kể từ ngày hóa đơn. Trong trường hợp Công ty A thanh toán chậm hơn so với thời hạn thanh toán nêu trên thì phải thanh toán thêm lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả cho Công ty AI. Bị đơn thừa nhận chưa thanh toán cho nguyên đơn tiền mua hàng, do đó bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu về tiền chậm thanh toán: Theo thoả thuận tại Điều 5 của hợp đồng, lãi chậm thanh toán là 0,1%/ngày/số tiền chậm trả, quá trình giải

quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu thanh toán tiền lãi theo thoả thuận tại hợp đồng mà yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 0,05%/ngày/số tiền chậm trả. Xét thấy, lãi suất chậm thanh toán các bên thoả thuận trong hợp đồng là vượt quá qui định tại của pháp luật (Điều 468 Bộ luật dân sự). Theo kết quả xác minh lãi suất nợ quá hạn trung bình tại ba ngân hàng trên địa bàn thị xã T, cụ thể là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh T, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương - PGD T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương - PGD T thì mức lãi suất quá hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 19,4%/năm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu kiện về lãi suất, số tiền lãi chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 23.708.850 đồng là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền phạt vi phạm: Bị đơn chậm thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng cho nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán thêm tiền phạt vi phạm với số tiền là 7.106.880 đồng là phù hợp với qui định tại Điều 12.2 của Hợp đồng và Điều 300, 301 Luật thương mại 2005.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 27, 50, 300, 301, 306 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH AI về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với bị đơn Công ty TNHH A như sau:

Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán tiền mua hàng hoá cho Công ty TNHH AI bao gồm các khoản tiền sau:

Tiền nợ gốc là: 88.836.000 đồng;

Tiền nợ lãi là: 23.708.850 đồng;

Tiền phạt vi phạm là: 7.106.880 đồng;

Tổng cộng là: 119.651.730 đồng (Một trăm mười chín triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH A phải chịu 5.982.587 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn Công ty TNHH AI không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH AI số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.275.309 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006493 ngày 23/11/2022.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- CCTHADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**